

Số: 01/2023/QĐST-VLĐ

G, ngày 21 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v: yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH T

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Kim Cương

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên họp: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T mở phiên họp công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 04/2023/TLST-VLĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 01/2023/QĐPH-VLĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị Lê Thị Anh Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh, huyện G, tỉnh T.

- *Người bị yêu cầu:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn P Việt Nam (gọi tắt là Công ty P)

Địa chỉ: Lô 37-9A, 37-10, 37-11, 37-12, 37-13, 37-14A Khu Công nghiệp P, xã P, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huang Po H – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1991

Địa chỉ: 87-89 Đ, phường 10, Quận 5, Thành phố H.

2. Chị Huỳnh Thị Cẩm Nhung, sinh năm 1993

Địa chỉ: 182 H, phường L, thị xã H, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ô 5/146A, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh T.

2. Bảo hiểm xã hội huyện G

Địa chỉ: Số 389 Quốc lộ 22B, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh T.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh P – Chức vụ: Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tấn Đạt – Chức vụ: Phó Giám đốc
Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Căn cứ đơn yêu cầu ngày 05-6-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu chị Lê Thị Anh Đ trình bày:

Vào tháng 6-2014, chị có cho chị Nguyễn Thị Thùy D mượn chứng minh nhân dân để xin vào làm việc tại Công ty P. Do lúc này chị D chưa đủ tuổi đi làm. Và sau đó khoảng vài tháng, chị cũng dùng giấy chứng minh nhân dân của mình để xin vào làm việc tại Công ty Việt Nam Mộc Bài. Đến tháng 02-2015, cả chị và chị D đều nghỉ làm. Nay chị rút tiền bảo hiểm nhưng không được do cùng một tên nhưng tham gia bảo hiểm ở hai nơi cùng một lúc. Chị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị D đứng dưới tên Lê Thị Anh Đ và Công ty P vô hiệu và đồng ý cho chị D được nhận tiền bảo hiểm đã đóng trong thời gian làm việc tại Công ty P.

Tại bản tự khai đề ngày 27-6-2023, người đại diện theo ủy quyền của người bị yêu cầu chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Chị Lê Thị Anh Đ ký hợp đồng và làm việc tại Công ty P từ ngày 02-6-2014, sau đó chị Đ nghỉ việc không lý do và hợp đồng lao động chấm dứt ngày 13-4-2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã thực hiện việc đóng vào hiểm đầy đủ cho chị Đ từ khi bắt đầu ký hợp đồng cho đến khi chị Đ nghỉ việc và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác đúng theo quy định của pháp luật.

Chị Đ cho rằng cho cho chị Thùy D mượn chứng minh nhân dân để làm hồ sơ làm việc tại Công ty P thì công ty không được biết. Khi tuyển dụng, các tài liệu và thông tin cá nhân do người lao động cung cấp cho công ty và đã được công chứng, chứng thực theo quy định.

Nay chị Đ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu chỉ nhằm mục đích nhận tiền bảo hiểm và không tranh chấp, yêu cầu liên quan đến các nội dung khác trong hợp đồng thì Công ty đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-6-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị Đ, chị không bổ sung gì thêm.

Tại văn bản số 344/BHXXH-BHGD ngày 20-6-2023 và biên bản lấy lời khai ngày 21-7-2023, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội huyện G – ông Nguyễn Tấn Đạt trình bày:

Chị Lê Thị Anh Đ, sinh ngày 10-02-1996 có tham gia bảo hiểm tại Công ty P từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015 với số sổ Bảo hiểm xã hội 7214029542. Ngoài ra, chị Đ còn có thêm 01 sổ Bảo hiểm xã hội số 7214013677 tại Công ty

Cổ phần Việt Nam Mộc Bài – Bến Cầu thời gian từ tháng 9-2014 đến tháng 02-2015, trùng quá trình 06 tháng với số 7214029542.

Trường hợp nếu Tòa án xác định hợp đồng vô hiệu thì Bảo hiểm xã hội huyện G không có ý kiến. Đối với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của cá nhân nào (người cho mượn và người mượn chứng minh nhân dân) thì Bảo hiểm xã hội đồng ý ghi nhận lại cho từng cá nhân đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh T phát biểu:

Từ khi thụ lý cho đến phiên họp giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị Tòa án nhân dân huyện G:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Anh Đ về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Thùy D đứng dưới tên Lê Thị Anh Đ với Công ty Trách nhiệm hữu hạn P Việt Nam là vô hiệu.

- Ghi nhận chị Đ thống nhất để chị D được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội dưới tên của chị Đ tại Bảo hiểm xã hội G từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Bảo hiểm xã hội G để điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện G nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lê Thị Anh Đ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Thùy D đứng dưới tên Lê Thị Anh Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn P Việt Nam vô hiệu. Đây là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty Trách nhiệm hữu hạn P Việt Nam có trụ sở tại huyện G, tỉnh T nên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên họp, tất cả các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Vào tháng 6-2014, chị Lê Thị Anh Đ có cho em họ là chị Nguyễn Thị Thùy D mượn chứng minh nhân dân để xin vào làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn P Việt Nam. Do lúc này chị D chưa đủ tuổi đi làm. Ngày 02-6-2014, chị D (dưới tên Lê Thị Anh Đ) có ký hợp đồng lao động và làm việc

tại Công ty P. Sau đó, chị Đ cũng dùng giấy chứng minh nhân dân của mình để xin vào làm việc tại Công ty Cổ phần Việt Nam Mộc Bài. Đến tháng 02-2015, chị D nghỉ việc nên hợp đồng lao động giữa chị D (dưới tên Lê Thị Anh Đ) và Công ty chấm dứt vào ngày 13-4-2015. Nay chị Đ rút tiền bảo hiểm nhưng không được do cùng một tên nhưng tham gia bảo hiểm ở hai nơi cùng một lúc. Nên chị Đ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Thùy D đứng dưới tên Lê Thị Anh Đ và Công ty P vô hiệu.

Tại văn bản số 344/BHXH-BHGD ngày 20-6-2023 của Bảo hiểm xã hội huyện G cũng xác định: Chị Lê Thị Anh Đ, sinh ngày 10-02-1996 có tham gia bảo hiểm tại Công ty P từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015 với số sổ Bảo hiểm xã hội 7214029542. Ngoài ra, chị Đ còn có thêm 01 sổ Bảo hiểm xã hội số 7214013677 tại Công ty Cổ phần Việt Nam Mộc Bài – Bến Cầu thời gian từ tháng 9-2014 đến tháng 02-2015, trùng quá trình 06 tháng với sổ 7214029542.

[2.2] Theo khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “2. *Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.*” và theo điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 cũng quy định “1. *Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

...;

b) Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền; ...”

Do đó, việc chị D sử dụng chứng minh nhân dân và các thông tin cá nhân của chị Đ để giao kết hợp đồng lao động với Công ty P là đã vi phạm nguyên tắc trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012. Vì vậy, cần tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa chị D (dưới tên Lê Thị Anh Đ) và Công ty P vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

[2.3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Ngày 02-6-2014, chị D (dưới tên Lê Thị Anh Đ) và Công ty P có ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm, tháng 02-2015 chị D nghỉ việc không có lý do. Đến ngày 13-4-2015, hợp đồng lao động giữa chị D (dưới tên Lê Thị Anh Đ) và Công ty P chấm dứt. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho chị D (dưới tên Lê Thị Anh Đ) từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015 với số sổ Bảo hiểm xã hội 7214029542, tổng thời gian là 09 tháng và các nghĩa vụ khác đúng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ngày 21-7-2023, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội huyện G cũng xác định: đối với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của cá nhân nào (người cho mượn và người mượn chứng minh nhân dân) thì Bảo

hiêm xã hội đồng ý ghi nhận lại cho từng cá nhân đó, và chị Đ cũng đồng ý. Do đó, cần ghi nhận chị Đ thống nhất để cho chị D được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015 của sổ số 7214029542; Và Bảo hiểm xã hội huyện G đồng ý tách quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp dưới tên Lê Thị Anh Đ từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015 của sổ số 7214029542 và điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị Thùy D được hưởng theo Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí yêu cầu giải quyết việc lao động: Chị Đ phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 33, 35, 39, 149, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 15, 17, 19, 50, 51, 52 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Anh Đ.

Tuyên bố Hợp đồng lao động từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015 được giao kết giữa chị Nguyễn Thị Thùy D đứng dưới tên Lê Thị Anh Đ với Công ty Trách nhiệm hữu hạn P Việt Nam vô hiệu.

Chị Lê Thị Anh Đ thống nhất để cho chị Nguyễn Thị Thùy D được hưởng quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động dưới tên Lê Thị Anh Đ tại Bảo hiểm xã hội huyện G, tỉnh T từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015 của sổ số 7214029542.

Bảo hiểm xã hội huyện G, tỉnh T đồng ý tách quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp dưới tên Lê Thị Anh Đ từ tháng 6-2014 đến tháng 02-2015 của sổ số 7214029542 và điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị Thùy D được hưởng.

2. Lệ phí giải quyết việc lao động: Chị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí mà đã nộp theo biên lai thu số 0025562 ngày 05-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Chị Đ đã nộp đủ tiền lệ phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Kim Cương